

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐÔNG ANH  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 180/2021/QĐST-HNGĐ

Đông Anh, ngày 08 tháng 4 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 102/2021/TLST- HNGĐ ngày 01/3/2021, giữa:  
**Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thu A**, sinh năm 1996.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn X, xã Y, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

**Bị đơn:** Anh **Nguyễn Công B**, sinh năm 1990.

Hộ khẩu thường trú: Thôn M, xã N, huyện P, tỉnh Hà Nam.

Nơi ở: Thôn X, xã Y, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31/3/2021.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31/3/2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

**1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa:** Chị **Nguyễn Thu A** và anh **Nguyễn Công B**.

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị **Nguyễn Thu A** và anh **Nguyễn Công B** thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 117/2017, đăng ký ngày 30/11/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội cấp cho chị Nguyễn Thu A và anh Nguyễn Công B không còn giá trị pháp lý.

- **Về con chung:** Chị Nguyễn Thu A và anh Nguyễn Công B có 01 con chung là cháu Nguyễn Đăng Nhật C, sinh ngày 10/12/2018.

Ly hôn, chị A trực tiếp nuôi d-ỡng cháu C và hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp d-ỡng nuôi con chung cho đến khi cháu C thành niên hoặc khi có sự thay đổi khác.

Anh B có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai đ-ợc cản trở.

- **Về tài sản chung, công nợ:** Chị Nguyễn Thu A và anh Nguyễn Công B đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 (Một trăm năm m-ơi nghìn) đồng, chị A chịu toàn bộ, nh-ng đ-ợc trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị A đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: **8877** ngày 26/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh. Chị A đ-ợc trả lại 150.000 (Một trăm năm m-ơi nghìn) đồng.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ-ợc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

**Thẩm phán**

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Đông Anh;
- Các đ-ơng sự;
- UBND xã Y;
- L- u hồ sơ.

**Nguyễn Lâm Bình**

